

Bản án số: **152/2023/HS-PT**

Ngày: 12/09/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các thẩm phán: Ông **Ngô Hà Nam**

Ông **Trần Minh Long**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Vũ Tùng Lâm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 132/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 08 năm 2023 đối với các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Văn Q do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2023/HS-ST ngày 25 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1/ Trần Đình H, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ xx, thôn N, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình T và bà Võ Thị L (*đều còn sống*); Có vợ là Nguyễn Thị L và có 03 con, (*lớn nhất sinh năm xxxx và nhỏ nhất sinh năm xxxx*); Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 02/07/2011, bị Tòa án Q sự KV 2 - Q khu 5 xử phạt 36 tháng tù giam về tội “*Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia*” theo khoản 1 Điều 231 Bộ luật Hình sự 1999. Chấp hành hình phạt xong ngày 30/01/2004 (Phần dân sự bồi thường tập thể chưa chấp hành do chưa có đơn yêu cầu thi hành án) - Chưa được xóa án tích theo quy định.

Bị bắt tạm giam ngày 13/02/2023. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Văn Q, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ xx, thôn L, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động pH thông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Ánh T (*đều còn sống*); Có vợ là Phùng Thị Thanh H và có 02 con (*lớn nhất sinh năm xxxx và nhỏ nhất sinh năm xxxx*); Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 28/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự. (*Đã xóa án tích*).

Bị bắt tạm giam ngày 13/02/2023. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/02/2023, Nguyễn Văn Q mang 01(*một*) gói ma túy đến nhà của Trần Đình H tại thôn N, xã Hòa T, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng để rủ nhau cùng sử dụng ma túy. Đến nơi, Q rủ H sử dụng ma túy thì H đồng ý và nói vào phòng ngủ của H có bộ dụng cụ và 01(*một*) gói ma túy có sẵn sử dụng trước. Sau đó, Q đi vào phòng H thì thấy 01(*một*) giấy màu đen để trên bàn nên mở ra thì thấy 01(*một*) gói ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Q lắp ráp hoàn chỉnh bộ dụng cụ rồi đổ ma túy vào ống thủy tinh, dùng bật lửa đốt lên rồi dùng miệng hút vài hơi. Sau đó, H đi vào phòng rồi cùng sử dụng ma túy với Q. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Q gọi điện Cho Sử Phát N đem hủ tiếu đến nhà H thì thấy Q và H đang sử dụng ma túy nên N tự ý ngồi xuống cùng sử dụng ma túy với Q và H. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, bị lực lượng Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang đang sử dụng trái phép chất ma túy.

Tang vật tạm giữ gồm:

- 01(*một*) gói ma túy còn lại của các đối tượng đang sử dụng (*ký hiệu A1*).
- 01(*một*) gói ma túy của đối tượng Nguyễn Văn Q chưa sử dụng (*ký hiệu A2*).
- 01(*một*) bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm có: 01(*một*) ống thủy tinh có chất ma túy còn lại bám dính trên ống thủy tinh (*ký hiệu A3*), 01(*một*) ống hút nhựa, 01(*một*) bình nhựa) và 02 (*hai*) bật lửa.
- 01(*một*) điện thoại di động hiệu Samsung số IMEI: 3513097196894; 01(*một*) điện thoại di động hiệu ITEL số IMEI: 357887103512546.

Tại Bản kết luận giám định số: 128/KL-KTHS ngày 21/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất tinh thể màu trắng được niêm phong (ký hiệu A1, A2, A3) đều là ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng của mẫu A1 là **0,132gam**; mẫu A2 là **0,204gam**; mẫu A3 là **0,044gam**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2023/HS-ST ngày 25/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo Trần Đình H phải chấp hành là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/02/2023.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo **Trần Đình H** phải chấp hành là 05 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/02/2023.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 03/7/2023 các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/07/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 08/QĐ-VKSĐN-P7 đối với một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2023/HS-ST ngày 25/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về phần áp dụng pháp luật và phần tổng hợp hình phạt đã xét xử các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Văn Q về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự để sửa Bản án sơ thẩm trên theo hướng: Chuyển khung hình phạt đối với các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Văn Q từ khoản 1 sang khoản 2 Điều 255 BLHS với tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS “Đối với 02 người trở lên” và tăng hình phạt đối với 02 (hai) bị cáo này theo khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 255 BLHS và sửa về phần quyết định tổng hợp hình phạt của 02 tội đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Văn Q tự nguyện rút đơn kháng cáo, đồng thời đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận kháng nghị của VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc xét xử các bị cáo về tội nặng hơn theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS, giữ nguyên mức hình phạt tù, để các bị cáo có thời gian nghỉ học tập, cải tạo tốt, sớm đoàn tụ với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quyết định kháng nghị số: 08/QĐ-VKSĐN-P7 ngày 17/7/2023, đồng thời có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Văn Q rút toàn bộ kháng cáo, xét việc rút toàn bộ đơn kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện; Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xét phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

+ Về kháng nghị: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Căn cứ lời khai của Sứ Phát N và lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Đình H có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Khi N đưa đồ ăn đến cho Q thì thấy Q và H đang sử dụng ma túy tại nhà H nên ngồi vào sử dụng ma túy chung với Q và H, đồng thời các bị cáo H, Q cũng khai nhận “*Khi thấy N tự ý sử dụng ma túy thì cả hai bị cáo không nói gì, đồng thời cũng không can ngăn mà để N cùng ngồi tham gia sử dụng ma túy*”, Mặt khác, N cùng sử dụng ma túy với Q và H trong một thời gian dài (*từ 19 giờ 30 đến 20 giờ 20 phút*) và số lần N sử dụng hút ma túy “*từ 04 – 05 hơi*”. Do đó, có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Q, H đủ các yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; Vì vậy, việc truy tố và xét xử của cấp sơ thẩm xét xử và tuyên phạt các bị cáo H, Q theo tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS là không chính xác, không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2023/HS-ST ngày 25/06/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng khi quyết định hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (*hai*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 03 (*ba*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tuy nhiên, khi tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với bị cáo Q thì nội dung thể hiện: “*Tổng hợp hình phạt của 02 (hai) tội buộc bị cáo Trần Đình H phải chấp hành là 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù...*” Trong khi đó, phần trên của quyết định Bản án ghi ở trên “*Tổng hợp hình phạt của 02 (hai) tội buộc bị cáo Trần Đình H phải chấp hành là 06 (năm) 06 (sáu) tháng tù...*”; Như vậy, có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm cùng một lúc xử phạt đối với bị cáo Trần Đình H, chưa thể hiện hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Vì vậy, đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 BLTTHS sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chuyển khung hình phạt đối với các bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Văn Q từ khoản 1 sang khoản 2 Điều 255 BLHS với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và tăng hình phạt đối với hai bị cáo theo khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS; Đồng thời sửa về phần quyết định tổng hợp hình phạt của 02 (*hai*) tội đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Văn Q rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; xét việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

[2]. Xét Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo H và Q đều khai nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 13/02/2023 bị cáo Nguyễn Văn Q có mua một gói ma túy đem đến nhà của bị cáo Trần Đình H với mục đích rủ H cùng nhau sử dụng sử dụng ma túy và được H đồng ý; Tại đây (*nhà H*), thì H có nói với Q tại phòng ngủ của H có bộ dụng cụ và 01 (*một*) gói ma túy có sẵn (*do bị cáo H mua trước đó cất giấu chưa sử dụng*), nên Q vào phòng ngủ của H lắp ráp bộ dụng cụ và lấy gói ma túy của H để sử dụng trước, sau đó H cùng vào sử dụng. Trong lúc các bị cáo H, Q đang ngồi sử dụng ma túy trong phòng ngủ của H thì Q có điện thoại cho Sử Phát N (*bạn của Q*) hỏi mượn xe và nhờ mua thức ăn (*hủ tiếu*) để mang về nhà và N đồng ý; khi Sử Phát N đi xe máy mang hủ tiếu đến nhà H cho Q thì thấy H và Q đang ngồi sử dụng ma túy nên N tự ý đi vào phòng ngủ của H và ngồi xuống cùng sử dụng ma túy với Q và H, lúc N ngồi xuống tự ý sử dụng ma túy thì cả hai bị cáo H, Q không nói gì hết, đồng thời cũng không can ngăn việc N cùng sử dụng ma túy; khi các bị cáo và N đang sử dụng ma túy đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày thì bị lực Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm 01 (*một*) gói ma túy của Q mua cất giữ trong người chưa sử dụng, 01 (*một*) gói ma túy của H chưa sử dụng hết, và bộ dụng cụ sử dụng ma túy...;

Với hành vi trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã khởi tố,

điều tra, truy tố các bị cáo H và Q về hai tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 BLHS. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2023/HS-ST ngày 25/06/2023, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử và xử phạt bị cáo Trần Đình H 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 04 (*bốn*) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (*hai*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.2] Tại Quyết định kháng nghị số: 08/QĐ-VKSĐN-P7 ngày 17/7/2023, Viện trưởng VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng cho rằng: Khi N đưa đồ ăn đến cho Q thì thấy Q và H đang sử dụng ma túy tại nhà H nên ngồi vào sử dụng ma túy chung với Q và H, đồng thời các bị cáo H, Q cũng khai nhận “*Khi thấy N tự ý sử dụng ma túy thì cả hai bị cáo không nói gì, đồng thời cũng không can ngăn mà để N cùng ngồi tham gia sử dụng ma túy*”, Mặt khác, N cùng sử dụng ma túy với Q và H trong một thời gian dài (*từ 19 giờ 30 đến 20 giờ 20 phút*) và số lần N sử dụng hút ma túy “*từ 04 – 05 hơi*”. Do đó, có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Q, H đủ các yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS, nên đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS xử tăng hình phạt đối với cả 02 bị cáo, HĐXX Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy: Vào ngày 13/02/2023, N đem xe máy và đồ ăn đến nhà H cho Nguyễn Văn Q. Khi đến nơi, N thấy Trần Đình H và Nguyễn Văn Q đang sử dụng trái phép chất ma túy nên tự ý vào sử dụng chứ không có ai rủ rê hay lôi kéo gì. Quá trình điều tra xác định N không góp tiền mua ma túy, không chuẩn bị công cụ, phương tiện để phục vụ quá trình sử dụng trái phép chất ma túy. Về ý thức chủ quan thì cả Q và H đều không có ý thức tổ chức cho N sử dụng trái phép chất ma túy; việc N tự ý sử dụng ma túy cả hai bị cáo đều không nói gì và cũng không ai ngăn cản vì lý do nể nang là bạn của nhau nên mới để N cùng sử dụng chung ma túy thì bị lực lượng Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang. Với diễn biến hành vi như trên, các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Hòa Vang căn cứ vào ý thức chủ quan của các bị cáo để truy tố và xét xử các bị cáo Q và H về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 255 BLHS là phù hợp. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng cho rằng với hành vi trên các bị cáo phạm tội theo tình tiết định khung “*Đối với 2 người trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS là chưa có căn cứ vững chắc. Mặt khác, kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều

357 BLTTHS để chuyển khung hình phạt nặng hơn và xử tăng hình phạt đối với 02 bị cáo trong trường hợp này là không phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, gây bất lợi cho các bị cáo và không phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền của HĐXX cấp phúc thẩm. Lẽ ra, kháng nghị của Viện kiểm sát cần căn cứ khoản 1 Điều 358 BLTTHS để đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại thì mới được HĐXX cấp phúc thẩm xem xét. Mặt khác, xét các mức hình phạt tù trên đối với cả 02 bị cáo là đã phù hợp với tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Do vậy, HĐXX không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung kháng nghị này.

[2.3]. Xét kháng nghị về phần quyết định tổng hợp hình phạt của 02 (hai) tội đối với bị cáo Nguyễn Văn Q: Tại phần quyết định của Bản án số 51/2023/HS-ST ngày 25/6/2023 có ghi: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội, buộc bị cáo **Trần Đình H** phải chấp hành là 05 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 13/02/2023, là sai sót về mặt chính tả, mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án, nhưng Thông báo này được phát hành sau khi đã có Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát. Do vậy, HĐXX nhận thấy nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có cơ sở cần được chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về nội dung này tránh sai sót lần sau.

3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q và Trần Đình H.

II. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 08/QĐ-VKSĐN-P7 ngày 17/7/2023 của Viện trưởng VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và tăng hình phạt tù đối với hai bị cáo Trần Đình H, Nguyễn Văn Q; Giữ nguyên điều khoản Bộ luật hình sự và mức hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 08/QĐ-VKSĐN-P7 ngày 17/7/2023 của Viện trưởng VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng

về việc sửa phần quyết định tổng hợp hình phạt của 02 (hai) tội đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

2.1. Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đình H: 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **04 (bốn)** năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo **Trần Đình H** phải chấp hành là **06 (sáu)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2023.

2.2 Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q: 02 (hai)** năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **03 (ba)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo **Nguyễn Văn Q** phải chấp hành là **05 (năm)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2023.

III. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Trần Đình H và Nguyễn Văn Q không phải chịu 200.000đ án phí Hình sự phúc thẩm.

IV. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang
- CQCSĐT Công an huyện Hòa Vang ;
- Toà án nhân dân huyện Hòa Vang ;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Công an TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyên

